

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 491/2024/DS-PT

Ngày: 21/9/2024

V/v tranh chấp "Đòi tài sản
(đòi quyền sử dụng đất), chia
tài sản chung vợ chồng, chia
di sản thừa kế".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Tính

Các Thẩm phán: Ông Võ Ngọc Giàu

Ông Võ Thanh Bình

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Tấn Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:**
Bà Hà Thúy Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2024, tại Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2024/TLPT-DS ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp "Đòi tài sản (đòi quyền sử dụng đất) và chia di sản thừa kế".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 283/2024/QĐ-PT ngày 06/6/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông **Ngô Thiên Đ**, sinh năm 1963. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

1.2. Anh **Ngô Thiên T**, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

1.3. Chị **Ngô Thiên L**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

Người đại diện theo uỷ quyền của chị L: Ông **Bùi Quang N**, sinh năm 1956. Địa chỉ: số D tổ B, khu D, thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

1.4. Chị **Ngô Thiên D**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Số H, khu phố A, phường T, quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của chị D: Chị **Ngô Thiên L**, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Đoàn Văn H**, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông **Nguyễn Văn T1**, sinh năm 1965. Địa chỉ: ấp P, xã T, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1968 (vắng mặt).

3.2. Anh Phạm Văn Đ1, sinh năm 1985 (vắng mặt).

3.3. Chị Phạm Thị K, sinh năm 1983(vắng mặt).

3.4. Chị Đoàn Thị Minh T2, sinh năm 1997 (vắng mặt).

3.5. Chị Đoàn Thị Anh T3, sinh năm 1995 (vắng mặt).

3.6. Chị Đoàn Thị Thanh T4, sinh năm 2001 (vắng mặt).

3.7. Phạm Thị Quỳnh N1, sinh năm 2004 (vắng mặt).

3.8. Phạm Thị Như Ý, sinh năm 2006 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

3.9. Ông Huỳnh Văn Q, sinh năm 1948. Địa chỉ: khu phố D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.10. Ông Tạ Văn H1, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.11. Ông Đoàn Văn T5, sinh năm 1929. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn T5:

3.11.1. Ông Đoàn Văn L1, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.11.2. Ông Đoàn Văn H2, sinh năm 1955. Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.11.3. Ông Đoàn Văn H, sinh năm 1961. Địa chỉ: ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.11.4. Bà Đoàn Thị H3, sinh năm 1963. Địa chỉ: Tổ G, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.11.5. Bà Đoàn Thị G, sinh năm 1971. Địa chỉ: Khu phố M, phường N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.11.6. Ông Đoàn Văn N2, sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

3.11.7. Ông Đoàn Văn D1, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

3.11.8. Ông Đoàn Văn I, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

4. *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Ngô Thiên Đ, bị đơn ông Đoàn Văn H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ngô Thiên Đ trình bày:*

Bà Đoàn Thị H4 (vợ ông Đ) có nhận chuyển nhượng thửa đất số 148, diện tích 39.266m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O930217 cấp ngày 14/10/1998 cấp cho hộ ông Đoàn Văn H, sinh năm 1961, địa chỉ ấp Q, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (bà H4 nhờ ông Đoàn Văn H đứng tên dùm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có giấy cam kết đứng tên dùm của ông H được Ủy ban nhân dân xã N xác nhận). Lý do ông H đứng tên dùm trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là vào thời điểm năm 1998 giá đất tại T còn rất thấp, bà H4 được ông H giới thiệu việc mua đất. Bà H4 có điều kiện mua nhiều thửa đất nhưng do quy định của nhà nước thời điểm đó là một cá nhân không được phép đứng tên chủ quyền nhiều thửa đất nên bà H4 mới nhờ ông H (là anh ruột) đứng tên dùm.

Đến tháng 4 năm 2015, bà H4 chết do tai nạn giao thông. Đầu năm 2016, ông Đ và các con đề nghị ông H làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Đ và các con ông có hứa với ông H sẽ cho ông H số tiền 50.000.000đồng thì ông H đồng ý, nhưng đến khi đến phòng công chứng làm thủ tục sang tên thì ông H yêu cầu đưa 250.000.000đồng mới đồng ý ký tên. Nhận thấy yêu cầu của ông H là vô lý nên ông Đ và các con không đồng ý.

Đến năm 2017, gia đình ông Đ tranh chấp với ông H nên được Ủy ban nhân dân xã T hòa giải và khởi kiện đến Tòa án. Do ông H chỉ đứng tên dùm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bản chính giấy cam kết đứng tên dùm đều do gia đình ông Đ giữ. Thửa đất nêu trên do gia đình ông Đ trực tiếp quản lý, sử dụng liên tiếp từ lúc nhận chuyển nhượng cho đến nay.

Nay ông Đ yêu cầu ông Đoàn Văn H và các thành viên hộ gia đình trả lại quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 39.266m² thửa 148, tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Ông Đ xin rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất O930217 cấp ngày 14/10/1998 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông

Đoàn Văn H vì khi Tòa án xử giao đất cho ai thì người đó tự làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 10/5/2021, ông Đ có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị H4 là thửa đất số 148, diện tích 39.266m² tờ bản đồ TMC2; địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo quy định pháp luật. Ông Đ yêu cầu nhận ½ diện tích thửa đất 148 là tài sản chung vợ chồng. Phần còn lại ½ diện tích thửa đất chia thành 4 phần, ông Đ nhận 01 phần. Ông Đ yêu cầu nhận đất.

** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngô Thiên D do chị Ngô Thiên L đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Chị D thống nhất lời trình bày của ông Ngô Thiên Đ về nguồn gốc phần đất là do bà H4 nhận chuyển nhượng và nhờ ông Đoàn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm và có cam kết do Ủy ban nhân dân xã N xác nhận.

Nay yêu cầu ông Đoàn Văn H và thành viên hộ gia đình trả lại quyền sử dụng đối với phần đất có diện tích 39.266m² thửa 148, tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Chị D rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất O930217 cấp ngày 14/10/1998 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Đoàn Văn H vì khi Tòa án xử giao đất cho ai thì người đó tự làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị D không thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 39.266m² thửa 148, tờ bản đồ TMC2. Năm 2012, ông Đ có đơn xin tự nguyện thay thế cho đơn ly dị ngày 12/4/2011 thừa nhận tất cả tài sản của bà H4 có được là tài sản riêng của bà H4 và các con nên phần đất này là tài sản riêng của bà H4 và văn bản từ chối thừa kế ngày 02/8/2017 trong đó có thửa đất đang tranh chấp, nên chị D không đồng ý chia theo yêu cầu của ông Đ. Sau khi giải quyết vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất xong sẽ tự thỏa thuận giải quyết nếu không chia được sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngô Thiên Lý do ông Bùi Quang N đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Chị L thống nhất lời trình bày của ông Ngô Thiên Đ về nguồn gốc phần đất là do bà H4 nhận chuyển nhượng và nhờ ông Đoàn Văn H đứng tên dùm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có cam kết do Ủy ban nhân dân xã N xác nhận.

Nay yêu cầu ông Đoàn Văn H và thành viên hộ gia đình trả lại phần đất có diện tích 39.266m² thửa 148, tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Chị L rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất O930217 cấp ngày 14/10/1998 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ ông Đoàn Văn H vì

khi Tòa án xử giao đất cho ai thì người đó tự làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Chị L không thống nhất yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật đối với phần đất có diện tích 39.266m² thửa 148, tờ bản đồ TMC2 của ông Đ. Năm 2012, ông Đ có đơn xin tự nguyện thay thế cho đơn ly dị ngày 12/4/2011 thừa nhận tất cả tài sản của bà H4 có được là tài sản riêng của bà H4 và các con nên phần đất này là tài sản riêng của bà H4 và văn bản từ chối thừa kế ngày 02/8/2017 trong đó có thửa đất đang tranh chấp, nên chị L không đồng ý chia theo yêu cầu của ông Đ. Sau khi giải quyết vụ kiện tranh chấp quyền sử dụng đất xong sẽ tự thỏa thuận giải quyết nếu không chia được sẽ giải quyết bằng vụ kiện khác.

** Quá trình giải quyết vụ án anh Ngô Thiên T trình bày:*

Anh T thống nhất lời trình bày của ông Ngô Thiên Đ về nguồn gốc phần đất là do bà H4 nhận chuyển nhượng và nhờ ông Đoàn Văn H đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dùm và có cam kết do Ủy ban nhân dân xã N xác nhận.

Nay yêu cầu ông Đoàn Văn H và thành viên hộ gia đình trả lại phần đất có diện tích 39.266m² thửa 148, tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

-Anh T rút lại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất O930217 cấp ngày 14/10/1998 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 14/10/1998 cho hộ ông Đoàn Văn H vì khi Tòa án xử giao đất cho ai thì người đó tự làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

** Bị đơn Đoàn Văn H do ông Nguyễn Văn T1 đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Năm 1993, ông H có nhận chuyển nhượng của ông Huỳnh Văn Q phần đất có diện tích 39.266m² địa chỉ thửa đất ấp M, xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang và được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O930217 cấp ngày 14/10/1998 cho hộ ông Đoàn Văn H. Giá chuyển nhượng là 07 chỉ vàng 24kara. Ông H là người trực tiếp canh tác phần đất này từ năm 1993 đến năm 1996, tiền đầu tư trên đất là của ông H, thời điểm này bà H4 không có góp vốn đầu tư.

Đến năm 1996, do lũ lụt thua lỗ ông H không có tiền đầu tư tiếp nên ông H kêu em của ông H là bà Đoàn Thị H4 bỏ vốn cải tạo đất và đầu tư làm ăn. Ông H và bà H4 có thỏa thuận khi nào bà H4 thu hồi được vốn đầu tư thì lợi nhuận chia đôi nhưng từ trước đến nay bà H4 không có chia hoa lợi trên đất cho ông H, ông H không yêu cầu phía nguyên đơn chia hoa lợi, lợi tức cho ông H từ năm 1996 cho đến nay. Theo ông H được biết, bà H4 có trồng khóm được vài năm thì bị lũ nên bà H4 có cho người khác thuê đất, tiền thuê đất bà H4 lấy hết để cần trừ vào số tiền bà H4 bỏ ra để lên líp, phần đất hoang chưa được lên líp khoảng 20.000m² khi nào lấy xong tiền đầu tư thì bà H4 sẽ trả đất lại cho ông H. Tuy

nhiên, từ ngày cho thuê đất đến nay bà H4 chỉ đưa tiền ông H vài lần tổng cộng khoảng 20.000.000đồng.

Đến năm 2007, do bà H4 cần tiền đầu tư vào đất nên bà H4 mượn bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để cầm cố; hơn nữa tại thời điểm này gia đình ông H khó khăn phải đi làm ăn xa không có chỗ cất giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông H cho bà H4 mượn để cầm cố sau đó có nhiều lần ông H yêu cầu bà H4 trả lại giấy chứng nhận nhưng bà H4 không trả.

Đối với giấy cam kết, ông H không có ký tên vào giấy cam kết đứng tên dùm bà H4 được Ủy ban nhân dân xã N chứng thực ngày 20/9/2008. Vì vậy, ông H không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn đòi quyền sử dụng đất đối với diện tích 39.266m² thửa 148, tờ bản đồ TMC2 vì đây là đất của hộ ông H. Ông yêu cầu giám định chữ ký của ông H trong giấy cam kết đứng tên dùm giấy đất.

Đối với yêu cầu chia thừa kế đối với diện tích 39.266m² thửa 148, tờ bản đồ TMC2 theo quy định pháp luật thì ông H không đồng ý vì phần đất này của ông H đã được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất không phải là đất của gia đình ông Đ và bà H4.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn Q trình bày:*

Trước đây, ông công tác tại Ủy ban nhân dân Phường D4, thành phố M; thời điểm đó ông Đoàn Văn H là thư ký của ông. Ông Q được nhà nước cấp phần đất tại xã T (phần đất đang tranh chấp) do điều kiện xa nhà không canh tác được nên ông chuyển nhượng lại cho ông H với giá 3.000.000đồng. Ông nhận tiền do ông H trực tiếp giao cho ông, còn tiền của ai hay có đứng tên dùm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là ông không biết. Sau khi chuyển nhượng thì ai canh tác, quản lý sử dụng phần đất ông không biết. Nội dung xác nhận trong đơn yêu cầu giải quyết của ông Đoàn Văn H ngày 07/6/2017 là chữ viết và chữ ký của ông. Phần đất này nay ông đã chuyển nhượng nên ông không có yêu cầu gì, cũng không có ý kiến gì đối với vụ án.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Tại Văn H5 trình bày:*

Phần đất gia đình ông Đ tranh chấp với ông H, ông không biết rõ nguồn gốc của ông H hay của bà H4. Năm 2009, bà H4 nói phần đất này là của bà H4 và cùng ông hùn vốn trồng khóm; khi sản xuất có thu hoạch thì lợi nhuận chia làm 03 phần bà H4 02 phần còn ông được 01 phần (sau khi trừ chi phí). Từ năm 2009 đến nay, ông canh tác đất chỉ hùn với bà H4, sau khi bà H4 chết thì ông trồng khóm trên đất; phần đất này hiện nay do chị Ngô Thiên L (con bà H4) quản lý. Ông H không có canh tác đất từ năm 2009 đến nay, trước năm 2009 ông có nghe bà H4 nói mua đất cho anh bà H4 canh tác nhưng anh bà H4 không làm nổi nên trả lại. Ông trồng khóm trên phần đất đang tranh chấp đến tháng 8/2021 thì hết hạn hợp đồng nên ông không có ý kiến gì và không yêu cầu giải quyết trong vụ kiện này.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị S, anh Phạm Văn Đ1, chị Phạm Thị K, chị Đoàn Thị Minh T2, chị Đoàn Thị Anh T3, chị Đoàn Thị Thanh T4, chị Phạm Thị Quỳnh N1, chị Phạm Thị Như Ý:*

Bà S, anh Đ1, chị K, chị T2, chị T3, chị T4, chị N1, chị Ý là thành viên hộ gia đình ông H. Quá trình giải quyết vụ án, thành viên hộ gia đình ông H không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện, khởi kiện bổ sung của nguyên đơn.

Ngày 01/12/2023, anh Đ1, chị K, chị T3, chị T2, chị T4, chị Huỳnh N3 và Như Ý có bản tự khai trình bày phần đất này do ông H và bà S nhận chuyển nhượng, sau khi nhận chuyển nhượng thì ông H và bà S trực tiếp khai hoang và canh tác, kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chữ ký của ông Đoàn Văn H trong giấy cam kết đứng tên dùm giấy đất là giả mạo.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn T5; ông Đoàn Văn H2 trình bày:*

Ông H2 là con ruột của ông Đoàn Văn T5, sinh năm 1929. Địa chỉ ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang (ông T5 đã chết) ông là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T5, ông không yêu cầu nhận phần tài sản thừa kế của ông T5 trong vụ tranh chấp quyền sử dụng đất và chia di sản thừa kế giữa nguyên đơn Ngô Thiên Đ, Ngô Thiên L, Ngô Thiên D, Ngô Thiên T và bị đơn Đoàn Văn H. Theo ông được biết phần đất đang tranh chấp nguồn gốc của bà Đoàn Thị H4 nhận chuyển nhượng nhờ Đoàn Văn H đứng tên dùm, ông H có công khai phá phần đất trên. Việc tranh chấp đất giữa ông Đ, chị Thiên L, chị Thiên D, anh Thiên T và ông H ông không có ý kiến.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn T5: ông Đoàn Văn L1, bà Đoàn Thị H6, bà Đoàn Thị G, ông Đoàn Văn N2, Đoàn Văn D1, ông Đoàn Văn I:*

Ông L1, bà H6, bà G, ông N2, ông D1, ông I là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T5. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu chia thừa kế của ông Đ.

** Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Đoàn Văn T5: ông Đoàn Văn N2:*

Ông N2 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông T5. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo nhưng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Đ. Sau khi Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử ngày 14/9/2023 ông N2 có đơn yêu cầu được nhận 01 kỷ phần thừa kế mà ông T5 được hưởng khi Tòa án chia di sản thừa kế của bà H4.

Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, đã áp dụng: Khoản 2,5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 157,

165, khoản 2 Điều 227, Điều 228, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 164, 166, Điều 620, Điều 649 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần khởi kiện của ông Ngô Thiên Đ về việc đòi quyền sử dụng đất.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Ngô Thiên D, chị Ngô Thiên L, anh Ngô Thiên T về việc đòi quyền sử dụng đất.

Buộc ông Đoàn Văn H và các thành viên hộ gia đình gồm bà Nguyễn Thị S, anh Phạm Văn Đ1, chị Phạm Thị K, chị Đoàn Thị Minh T2, chị Đoàn Thị Anh T3, chị Đoàn Thị Thanh T4, chị Phạm Thị Quỳnh N1, chị Phạm Thị Như Ý trả cho chị Ngô Thiên D, chị Ngô Thiên L, anh Ngô Thiên T quyền sử dụng đất đối với thửa đất 148 diện tích thực đo 34.965,9m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện việc trả quyền sử dụng đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị L, chị D, anh T được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với thửa đất 148 diện tích thực đo 34.965,9m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thiên Đ, chị Ngô Thiên D, chị Ngô Thiên L, anh Ngô Thiên T.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thiên Đ về việc chia thừa kế theo pháp luật đối với thửa đất 148 diện tích thực đo 34.965,9m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của đương sự.

* Ngày 24 tháng 01 năm 2024 nguyên đơn ông Ngô Thiên Đ có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang. Ông Ngô Thiên Đ yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

* Ngày 26 tháng 01 năm 2024 bị đơn ông Đoàn Văn H có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn ông Ngô Thiên Đ trình bày: Tôi vẫn giữ yêu cầu kháng cáo, tôi yêu cầu được chia tài sản chung của tôi và bà H4 là ½ thửa đất số 148 diện tích

thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang với diện tích là 17.394,1m² (tại vị trí (1); tôi yêu cầu chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với ½ thửa đất số 148 còn lại thành năm kỹ phần, tôi xin nhận 01 kỹ phần với diện tích 3.491,7m² tại vị trí (2) theo kết quả đo đạc ngày 26/8/2024, xin nhận hiện vật là đất.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Đ - Luật sư Nguyễn Văn D2 trình bày: căn cứ các chứng cứ khẳng định ông H đã đứng tên thay cho bà H4 đối với thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Thời điểm bà H4 chuyển nhượng thửa đất 148, giữa bà H4 và ông Đ là vợ chồng hợp pháp, tiền nhận chuyển nhượng đất trên là của chung vợ chồng, các con chung bà H4 và ông Đ còn nhỏ nên không có công sức đóng góp nên xác định thửa đất 148 là tài sản chung của vợ chồng ông Đ bà H4. Tuy ngày 12/4/2011, ông Đ có “Đơn xin tự nguyện thay thế cho đơn ly dị” trong đơn ông Đ tự nguyện để lại toàn bộ tài sản cho vợ là bà Đoàn Thị H4 và các con do ông tự nguyện rời bỏ gia đình đi theo người phụ nữ khác. Ngày 02/8/2017, ông Đ có xác lập “Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế” đối với hai thửa đất (thửa 209, tờ bản đồ số 02, diện tích 16.750m², đất tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang; thửa đất 148 diện tích 39.266m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang) được Ủy ban nhân dân xã N chứng thực. Việc từ chối nhận di sản của ông Đ chưa được các đồng thừa kế của bà H4 ghi nhận bằng văn phân chia di sản thừa kế của bà và đến thời điểm hiện tại di sản trên chưa được cấp giấy chứng nhận cho bất cứ người thừa kế nào. Ngày 10/5/2021, ông Đ khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị H4 là thửa đất số 148, diện tích đo đạc thực tế là 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo quy định pháp luật nên yêu cầu của ông Đ là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngô Thiên L là ông Bùi Quang N trình bày: Chị L không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Thiên Đ do ông đã có văn bản để lại tài sản cho bà H4 và các con cũng như đã từ chối nhận di sản thừa kế của bà H4. Chị L không đồng ý yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn H do ông đã thừa nhận đứng tên thay cho bà H4 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 148 năm 2008. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Đ và ông H. Chị L tự nguyện hỗ trợ cho hộ ông Đoàn Văn H số tiền 50.000.000 đồng là tiền cải tạo đất trong thời gian bà H4 giao đất cho hộ ông H canh tác.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Đoàn Văn H là ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang cấp cho hộ ông Đoàn Văn H đại diện hộ đứng tên. Hộ ông H có tổng cộng sáu thành viên vào thời điểm nhận đất canh tác 1993 và thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 1998 nên thửa đất trên là tài sản chung của hộ. Ông H tự ý ký cam kết trả đất cho bà H4 thì chỉ phát sinh đối với phần của ông H được chia trong hộ là

một phần sáu của thửa đất 148 nên ông H đồng ý giao cho các nguyên đơn một phần sáu thửa đất 148 tại vị trí (1) theo kết quả đo đạc ngày 26/8/2024. Ông H không đồng ý nhận phần tiền hỗ trợ công cải tạo đất do chị L hỗ trợ vì thửa đất 148 là tài sản chung của hộ ông H.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 148, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên ông Ngô Thiên Đ và bị đơn ông Đoàn Văn H; Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang ghi nhận sự tự nguyện của chị L về việc hỗ trợ cho hộ ông Đoàn Văn H tiền cải tạo đất là 50.000.000 đồng, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Đ, chị D, chị L, anh T tranh chấp đòi quyền sử dụng đất với bị đơn Đoàn Văn H và các thành viên trong hộ ông H; nguyên đơn ông Đ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng giữa ông và bà H4; chia di sản thừa kế của bà H4 (thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang) theo pháp luật. Tòa cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đòi tài sản (đòi quyền sử dụng đất) theo quy định tại Điều 166 và chia di sản thừa kế theo quy định Điều 649 Bộ luật dân sự là có căn cứ nhưng chưa đầy đủ cần xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là tranh chấp “*Đòi tài sản là quyền sử dụng đất; chia tài sản chung của vợ chồng và chia di sản thừa kế*” theo quy định tại các Điều 166; Điều 213 và Điều 649 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Xét thời hạn kháng cáo: Ngày 15/01/2024, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang ban hành bản án số 03/2024/DS-ST. Ngày 24 tháng 01 năm 2024, nguyên đơn ông Ngô Thiên Đ nộp đơn kháng cáo cùng biên lai thu tạm ứng án phí. Ngày 26/01/2024, bị đơn ông Đoàn Văn H nộp đơn kháng cáo cùng biên lai thu tạm ứng án phí. Như vậy, kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Thiên Đ và bị đơn ông Đoàn Văn H còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét.

[3]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn H yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.1]. Xét yêu cầu đòi quyền sử dụng đất của các nguyên đơn:

[3.1.1]. Nguồn gốc và quá trình quản lý và sử dụng thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang:

Năm 1993 bà H4 có nhờ ông H tìm đất để giới thiệu cho bà H4 nhận chuyển nhượng. Bà H4 đưa tiền cho ông H nhận chuyển nhượng, đứng tên dùm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà H4 cho ông H canh tác phần đất nhận chuyển nhượng nhưng ông H chỉ canh tác đến năm 1996 thì không canh tác và trả lại đất cho bà H4. Bà H4 canh tác đất từ năm 1996 đến năm 2015 bà H4 chết thì chị L quản lý, sử dụng phần đất nêu trên cho đến nay.

[3.1.2]. Căn cứ chứng minh ông Đoàn Văn H có đứng tên hộ cho bà Đoàn Thị H4 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang:

Năm 1998, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông H đã giao cho bà H4 cất giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sau khi bà H4 chết thì chị L giữ cho đến nay.

Năm 2008, ông H có ký vào “Giấy cam kết ghi ngày 19/8/2008” nội dung ông H thừa nhận có đứng tên thay cho bà H4 trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Giấy cam kết trên được Ủy ban nhân dân xã N, huyện C (nay là thị xã C) chứng thực chữ ký các bên và được ông H thừa nhận tại biên bản hòa giải ngày 20/8/2020.

Căn cứ kết luận giám định số 832/KL-KTHS(Đ2) ngày 17/7/2024 của Phòng K2 Công an tỉnh T kết luận chữ ký đứng tên “Đoàn Văn H” trong giấy cam kết ghi ngày 19/8/2008 là do ông Đoàn Văn H ký ra.

Tại biên bản hòa giải ngày 06/3/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, ông H cho rằng bà H4 hứa sau này chia đều phần đất nói trên (thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang). Tại biên bản hòa giải ngày 02/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T ông H vắng mặt có bà Nguyễn Thị S (vợ ông H) tham dự, bà có ý kiến yêu cầu ông Đ và các con ông hỗ trợ số tiền 250.000.000 đồng là tiền quản lý, chăm sóc, cải tạo đất thì hộ ông H sẽ thống nhất sang tên. Tòa án sơ thẩm tổ chức hòa giải ông H thống nhất nhận phần diện tích 10.000m² đất và 100.000.000 đồng phần diện tích còn lại giao lại cho ông Đ và các con ông Đ nhưng sau đó ông thay đổi ý kiến.

Tòa án tiến hành lấy lời khai của những người người làm chứng kết quả như sau: Ông Nguyễn Văn T6 xác nhận “*phần đất đang tranh chấp là của bà H4 nhận chuyển nhượng nhưng nhờ ông H đứng tên dùm, bà H4 có cho ông H khai hoang canh tác nhưng ông H canh tác được một năm thì trả lại cho bà H4*”. Ông Đặng Văn T7 là người có phần đất giáp ranh với đất bà H4 xác định

trước năm 2015, giữa ông và bà H4 có xác định ranh đất giữa đất của ông T7 và bà H4. Ông Đoàn Văn H2 (anh ruột ông H và bà H4) xác định nguồn gốc phần đất tranh chấp (thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² từ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang) là của bà H4 nhận chuyển nhượng nhờ ông H đứng tên dùm. Ông Lê Văn K1, ông Phan Thanh S1, ông Đoàn Văn L2 (Bút lự 184, 185, 186) cùng xác nhận hộ gia đình ông H thuộc diện khó khăn của địa phương, ông H canh tác khoảng 2000m² đất ruộng do cha ông cho mượn, ông H theo đạo thường đi cúng xa vắng nhà, ông H không có khả năng mua đất.

[3.1.3]. Từ những phân tích nêu trên khẳng định bà Đoàn Thị H4 có nhận chuyển nhượng thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² từ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang và nhờ ông Đoàn Văn H (anh ruột) đứng tên hộ trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông H kháng cáo nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của ông.

[4]. Xét kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Thiên Đ yêu cầu Tòa án phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông.

[4.1]. Đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng giữa ông và bà H4 đối với thửa đất số 148 diện tích thực đo 34.895,3m² từ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Ông Đ yêu cầu nhận ½ diện tích thửa đất 148 là 17.394.1m², xin nhận hiện vật là đất.

[4.1.1]. Hội đồng xét xử xét thấy thửa đất 148 diện tích thực đo 34.895,3m² từ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang bà H4 nhận chuyển nhượng năm 1993 và nhờ ông Đoàn Văn H đứng tên thay bà. Vào thời điểm năm 1993, ông Đ và bà H4 là vợ chồng hợp pháp cùng lao động tạo ra tài sản chung và các con chung của ông Đ bà H4 người lớn nhất là chị D chỉ mới chín tuổi nên không có đóng góp gì trong việc tạo lập để có tiền nhận chuyển nhượng thửa đất nêu trên nên xác định thửa đất trên là tài sản chung của vợ chồng ông Đ bà H4. Tòa sơ thẩm cho rằng, ngày 12/4/2011, ông Đ có “*Đơn xin tự nguyện thay thế cho đơn ly dị*” trong đơn ông Đ tự nguyện để lại toàn bộ tài sản cho vợ là bà Đoàn Thị H4 và các con do ông tự nguyện rời bỏ gia đình đi theo người phụ nữ khác. Đơn tự nguyện trên có sự chứng kiến của bà H4 và các con, có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã N nên thỏa thuận này đã có hiệu lực pháp luật là không có căn cứ. Bởi vì nội dung văn bản ông Đ lập là trái đạo đức, trái pháp luật nên đã vô hiệu ngay từ khi xác lập do ông Đ không có quyền lập văn bản thay thế đơn ly hôn, thỏa thuận trong đơn này của ông Đ chưa có sự xác nhận đồng ý của bà H4, chưa được cơ quan chuyên môn có thẩm quyền giải quyết ly hôn là Tòa án nhân dân công nhận bằng bản án hay quyết định đã có hiệu lực pháp luật. Việc ủy ban nhân dân xã N chứng thực là không đúng trình tự, thủ tục theo quy định vì văn bản lập ngày 11/4/2011, không có sự chứng kiến của đại diện chính quyền địa phương cụ thể ở đây là trưởng ấp Q là

ông Huỳnh Văn H7 hay cán bộ của xã N. Đến ngày 30/6/2012, gia đình bà H4 đem văn bản trên đến nhờ trưởng ấp Q, xã N, huyện C (nay là thị xã C) là ông Huỳnh Văn H7 xác nhận nội dung đơn của ông Ngô Thiên Đ là đúng và trên cơ sở đó Ủy ban nhân dân xã N xác thực chữ ký của ông H7. Tại thời điểm ngày 30/6/2012, ông H7 không có chứng kiến ông Đ có ký vào đơn trên hay không, nếu có thì đến thời điểm xác nhận theo ý chí của người lập văn bản trên là ông Đ có còn giữ nội dung trên hay không, lẽ ra ông H7 phải mời ông Đ đến để xác thực nếu ông Đ còn giữ nội dung trên thì mới xác nhận nhưng ông H7 không tiến hành và vẫn xác nhận “qua nội dung của ông Ngô Thiên Đ là đúng sự thật” thể hiện sự quan liêu, thiếu trách nhiệm, không hiểu biết pháp luật của ông H7.

[4.1.2]. Mặt khác, ngày 02/8/2017, ông Đ có xác lập “Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế” đối với hai thửa đất (thửa 209, tờ bản đồ số 02, diện tích 16.750m², đất tọa lạc tại xã M, huyện T, tỉnh Tiền Giang; thửa đất 148 diện tích 39.266m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang) được Ủy ban nhân dân xã N chứng thực, các đồng thừa kế khác đều biết việc từ chối này. Tại nội dung văn bản trên chỉ thể hiện ông Đ chỉ thể hiện từ chối nhận phần di sản theo thừa kế của bà H4 và tự nguyện cho anh T, không có tặng cho phần tài sản chung giữa ông và bà H4 cho anh T. Xét thấy, sau khi bà H4 chết để lại di sản ông Đ có “Văn bản từ chối nhận di sản thừa kế”, tuy nhiên việc từ chối nhận di sản của ông Đ chưa được các đồng thừa kế của bà H4 ghi nhận bằng văn phân chia di sản thừa kế của bà và đến thời điểm hiện tại di sản trên chưa được cấp giấy chứng nhận cho bất cứ người thừa kế nào. Ngày 10/5/2021, ông Đ khởi kiện bổ sung yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng, chia di sản thừa kế của bà Đoàn Thị H4 là thửa đất số 148, diện tích đo đạc thực tế là 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo quy định pháp luật. Ông Đ yêu cầu nhận ½ diện tích thửa đất 148, phần còn lại ½ diện tích thửa đất chia thành 4 phần, tại phiên tòa phúc thẩm ông yêu cầu chia làm 05 phần, ông nhận 01 phần yêu cầu được nhận đất. Từ những phân tích trên, Tòa sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Ngô Thiên Đ về việc chia tài sản chung của vợ chồng, chia di sản thừa kế của bà H4 theo pháp luật là có thiếu sót.

[4.1.3]. Xác định thửa đất 148 diện tích đo đạc thực tế là 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang là tài sản chung của vợ chồng giữa ông Đ và bà H4 nên ông Đ được quyền sở hữu ½ diện tích theo kết quả đo đạc thực tế (34.895,3 m² : 2 = 17.447,65 m²). Tuy nhiên, ông Đ xin nhận vị trí (1) có diện tích 17.394,1m² (theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T) là ít hơn so với diện tích được nhận, xét đây là sự tự nguyện của ông Đ không vượt quá yêu cầu khởi kiện, có lợi cho các đồng thừa kế khác nên chấp nhận.

[4.1.4]. Xác định phần còn lại (34.895,3 m² - 17.394,1m² = 17.501,2m²) là di sản thừa kế do bà H4 để lại. Bà H4 chết không có để lại di chúc việc này được các đương sự thống nhất nên việc ông Đ yêu cầu chia thừa kế theo quy định của

pháp luật là có căn cứ. Bà H4 có năm người ở hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông Đ (chồng), cụ T5 (Cha ruột bà H4), ba người con chung giữa ông Đ và bà H4 là chị D, chị L và anh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 651 Bộ luật dân sự chia cho năm đồng thừa kế của bà H4 mỗi người một kỷ phần như nhau: $(17.501,2m^2 : 5 = 3.500,24m^2)$. Như vậy, ông Đ được chia một kỷ phần là $3.500,24m^2$ nhưng tại phiên tòa, ông Đ chỉ xin nhận diện tích tại vị trí (2) tiếp giáp với phần đất vị trí (1) (theo phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T) mà ông được chia tài sản chung để thuận lợi cho việc canh tác, sản xuất và ông tự nguyện chấp nhận diện tích $3.491,7m^2$ là có giảm so với diện tích được chia. Xét đây là sự tự nguyện của ông Đ không vượt quá yêu cầu khởi kiện, có lợi cho các đồng thừa kế khác nên được chấp nhận.

[5]. Bà H4 từ khi nhận đất từ ông H năm 1996 đã cải tạo đất, lên liếp trồng khóm và sau đó cho thuê đất liên tục đến khi bà H4 chết. Sau khi bà H4 chết, chị L tiếp tục quản lý đất, cho thuê đất, hưởng tiền cho thuê và sử dụng tiền trên để trồng dừa, khóm nên tài sản trên đất có nguồn gốc từ di sản không phải do chị L bỏ tiền cá nhân để đầu tư. Hiện tại chị L đang quản lý sử dụng đất và cây trồng trên đất thu hoa lợi nên không xem xét công sức quản lý, giữ gìn di sản cho chị L là có căn cứ và phù hợp với thực tế. Xét các đương sự không có tranh chấp về tài sản trên đất và xác định tài sản trên đất phát sinh có nguồn gốc từ di sản nên ai được chia đất thì được hưởng luôn tài sản trên đất.

[6]. Các đồng thừa kế còn lại của bà Đoàn Thị H4 gồm: Chị D, chị L và anh T và những người thừa kế quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ T5 như ông Đoàn Văn L1, bà Đoàn Thị H3, bà Đoàn Thị G, ông Đoàn Văn N2, Đoàn Văn D1, ông Đoàn Văn I chưa có yêu cầu phân chia di sản thừa kế của bà H4 nên Hội đồng xét xử không xem xét. Giao chị Ngô Thiên L tiếp tục quản lý, sử dụng các phần đất còn lại tại vị trí (3), (4), (5) (theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T) thuộc thửa đất 148, tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang nếu các bên có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[7]. Xét lời đề nghị của luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Ngô Thiên Đ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8]. Về chi phí tố tụng: Chi phí giám định; chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ ông Đoàn Văn H tạm ứng số tiền 6.400.000 đồng. Ông H không được chấp nhận yêu cầu kháng cáo nên phải chịu toàn bộ chi phí nêu trên.

[9]. Về án phí dân sự phúc: Ông H không được chấp nhận kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định, ông H có đơn xin miễn án phí do là người cao tuổi nên xét miễn án phí cho ông. Ông Đ được chấp nhận kháng cáo nên không phải chịu án phí.

[10]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với một phần nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

[11]. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 2, 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 157, 165, 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015

Các Điều 164, 166, Điều 620, Điều 649 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Ngô Thiên Đ. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Đoàn Văn H. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DSST ngày 15/01/2024 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thiên Đ, chị Ngô Thiên D, chị Ngô Thiên L, anh Ngô Thiên T về việc đòi quyền sử dụng đất.

Buộc ông Đoàn Văn H và các thành viên hộ gia đình gồm bà Nguyễn Thị S, anh Phạm Văn Đ1, chị Phạm Thị K, chị Đoàn Thị Minh T2, chị Đoàn Thị Anh T3, chị Đoàn Thị Thanh T4, chị Phạm Thị Quỳnh N1, chị Phạm Thị Như Ý trả cho ông Ngô Thiên Đ, chị Ngô Thiên D, chị Ngô Thiên L, anh Ngô Thiên T quyền sử dụng đất đối với thửa đất 148 diện tích thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Thực hiện việc trả quyền sử dụng đất ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thiên Đ, chị Ngô Thiên D, chị Ngô Thiên L và anh Ngô Thiên T.

1.3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thiên Đ về việc chia tài sản chung của vợ chồng giữa ông và bà Đoàn Thị H4:

Xác định thửa đất 148 diện tích thực đo 34.895,3m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang là tài sản của vợ chồng ông Ngô Thiên Đ và bà Đoàn Thị H4. Chia cho ông Đ ½ diện tích thửa đất 148 có diện tích thực đo là 17.394,1m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang tại vị trí (1) và toàn bộ cây trồng trên đất (có sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo). Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp vị trí (2);
- Hướng Tây giáp thửa 282 của ông Đặng Trí D3;
- Hướng Nam giáp kênh nội đồng;

- Hướng Bắc giáp Đường N.

1.4. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Thiên Đ về việc chia thừa kế theo pháp luật đối di sản của bà Đoàn Thị H4:

Chia cho ông Ngô Thiên Đ một kỷ phần thừa kế của bà Đoàn Thị H4 là một phần đất diện tích 3.491,1m² thuộc thửa đất 148 tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang tại vị trí (2) và toàn bộ cây trồng trên đất (có sơ đồ vị trí thửa đất kèm theo). Có tứ cận như sau:

- Hướng Đông giáp vị trí (3);
- Hướng Tây giáp vị trí (1);
- Hướng Nam giáp kênh nội đồng;
- Hướng Bắc giáp Đường N.

1.5. Ông Ngô Thiên Đ được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đối với một phần thửa đất 148 diện tích thực đo 17.394,1m² + 3.491,7m² = 20.885,8m² tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1.6. Giao chị Ngô Thiên L tiếp tục quản lý, sử dụng các phần đất còn lại tại vị trí (3), (4), (5) (theo Phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất ngày 26/8/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T) thuộc thửa đất 148, tờ bản đồ TMC2, địa chỉ thửa đất tại xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí:

2.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Đoàn Văn H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Ngô Thiên Đ được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

H8 lại cho ông Ngô Thiên Đ số tiền 17.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 21016 ngày 10/5/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T.

Ông Đ, chị L, chị D, anh T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H8 lại cho ông Đ, chị D, chị L, anh T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 19927 ngày 15/7/2019 và 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số 19928 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện T.

2.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đoàn Văn H được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

3. Các phần khác của bản án dân sự sơ thẩm không liên quan đến kháng cáo đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên công TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Tính